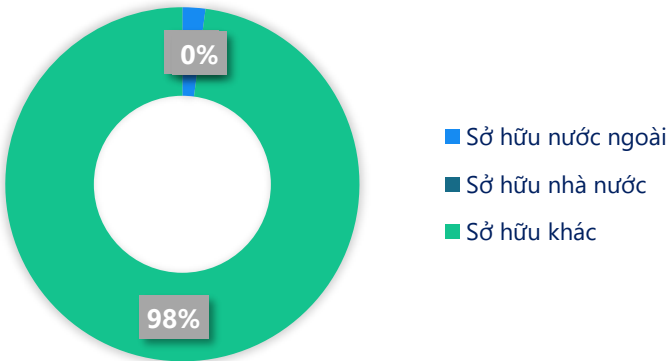


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		4,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		1,400
SL cổ phiếu LH		29,388,589
KLGD BQ 20 phiên (CP)		21,780
% sở hữu nước ngoài		2.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		118
P/E		-6.9
EPS		-577

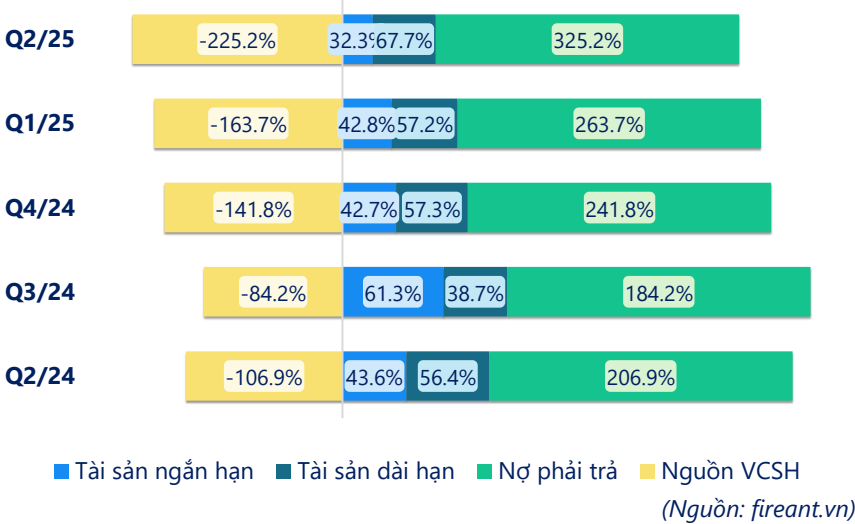
	YTD	1T	3T	6T
GGG	110.5%	48.1%	122.2%	110.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu sở hữu

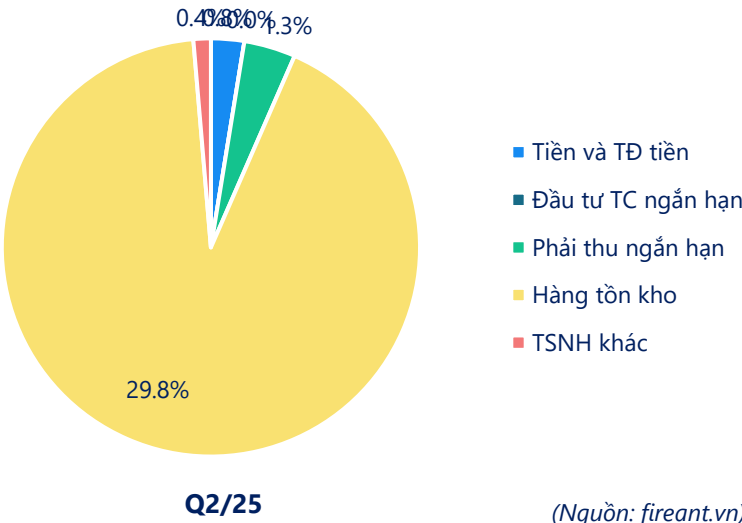


(Nguồn: fireant.vn)

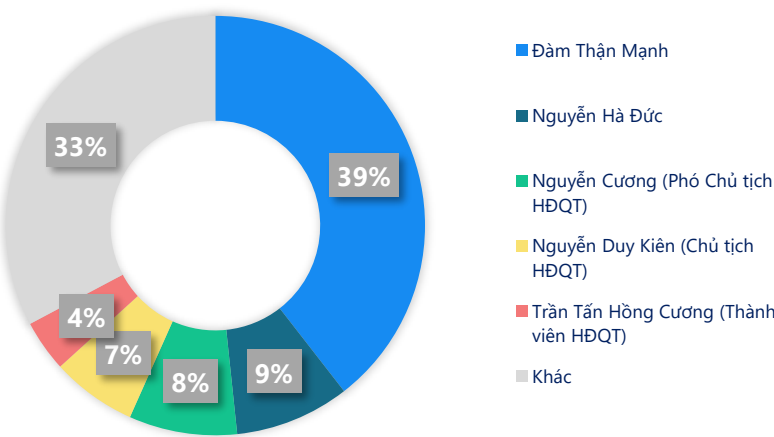
Cơ cấu Tổng tài sản



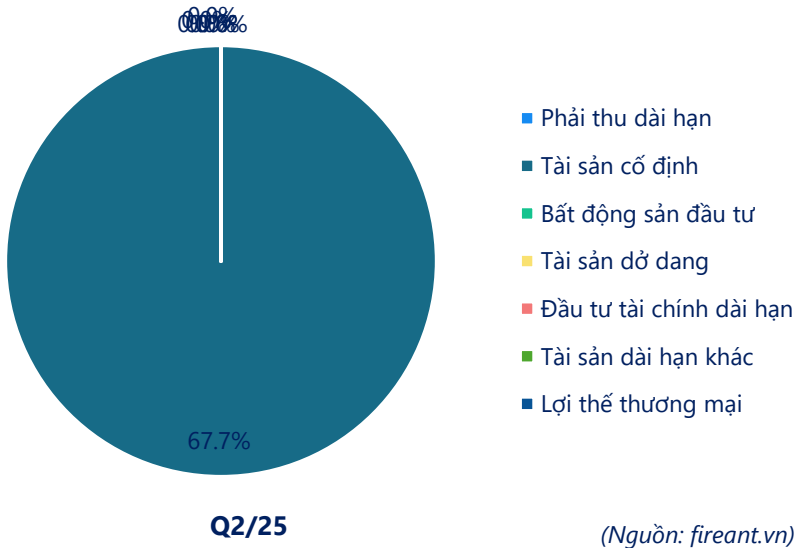
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

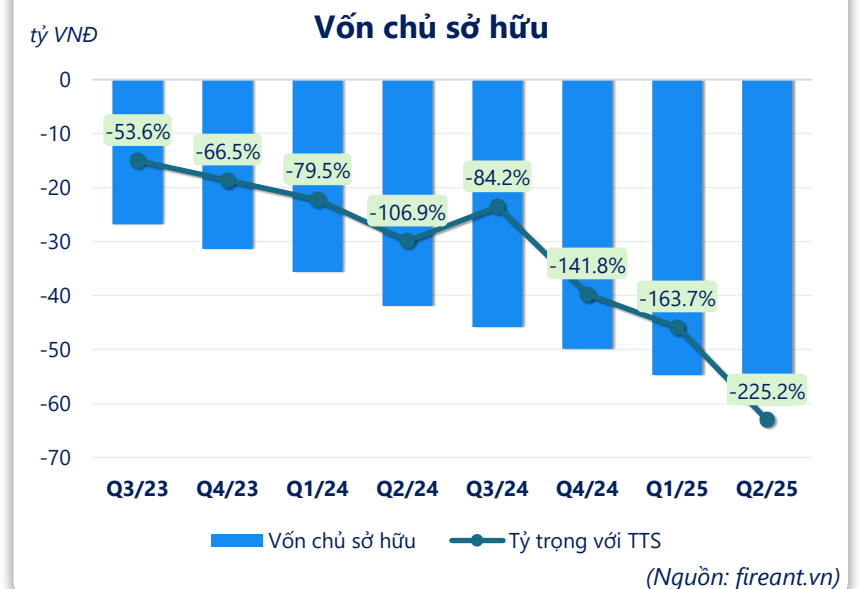
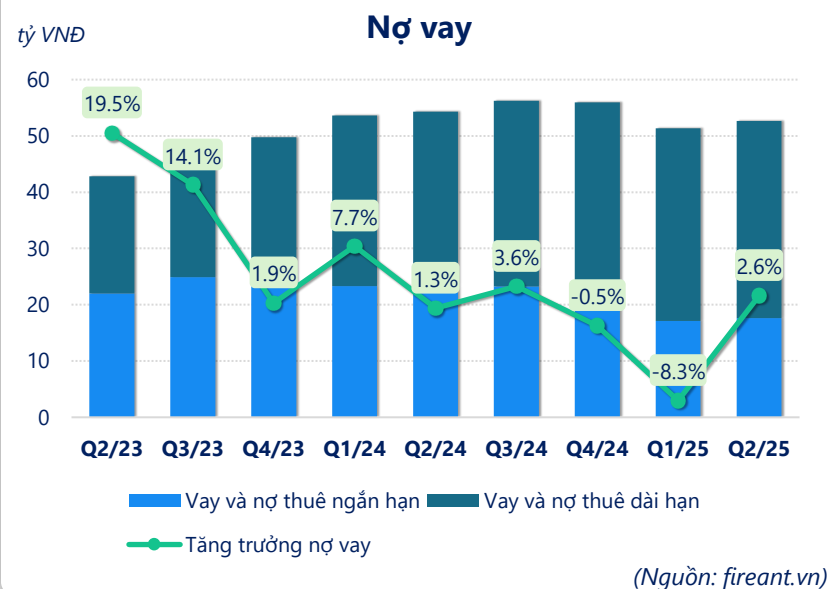
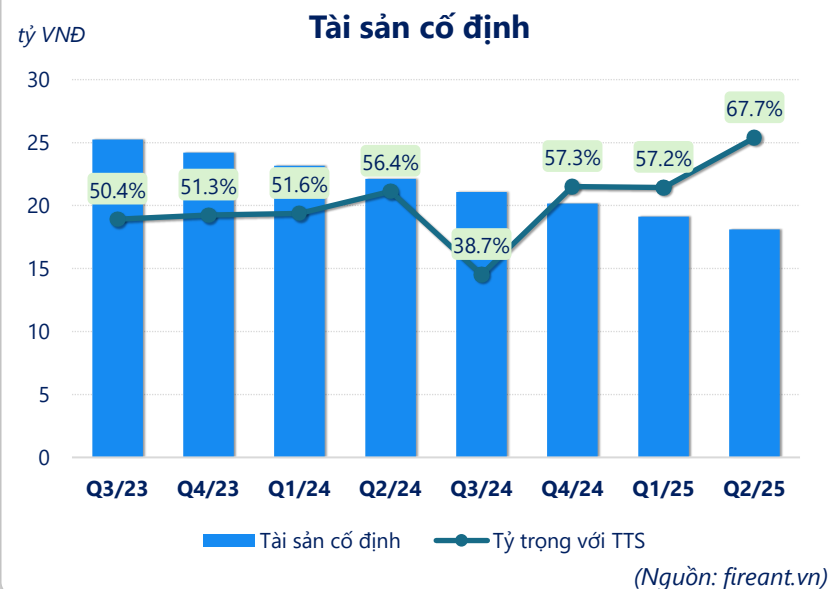
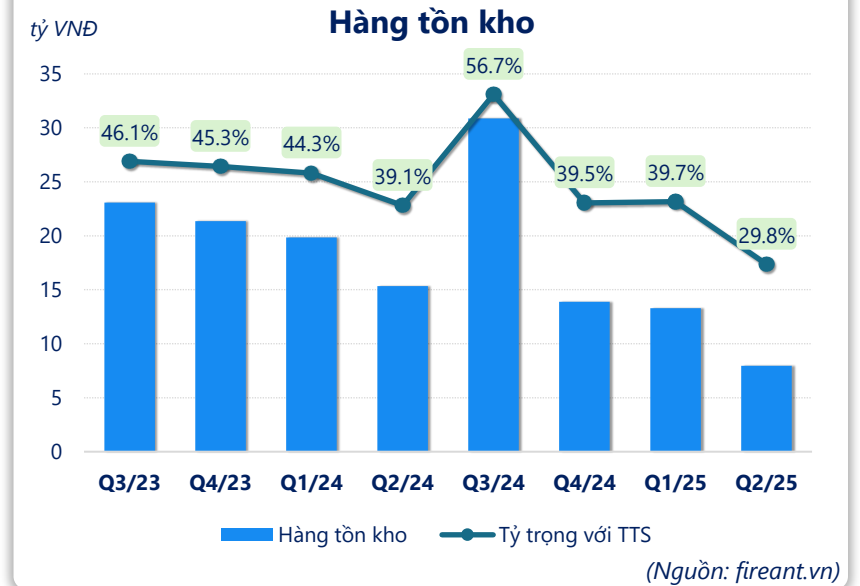
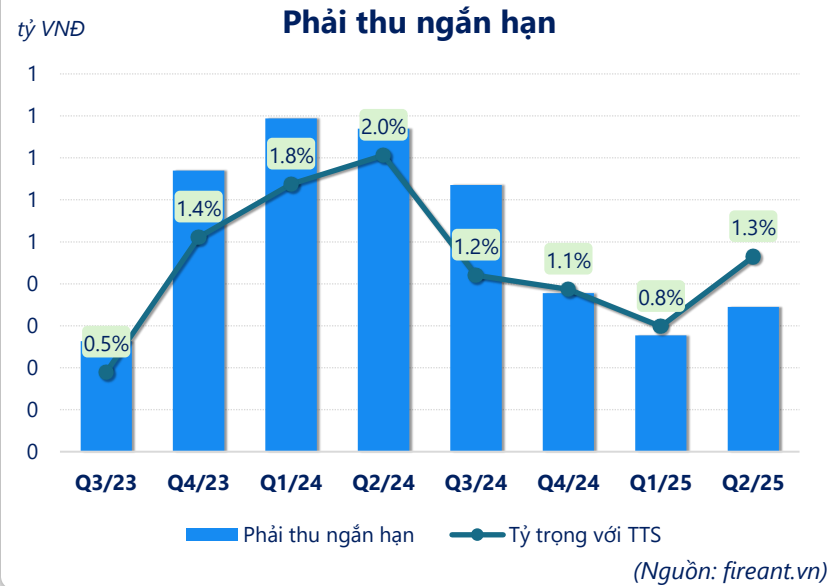
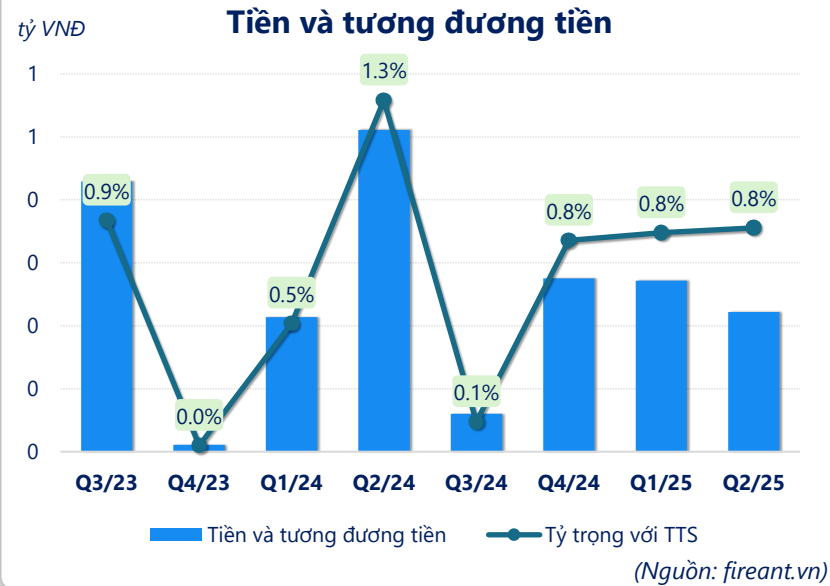


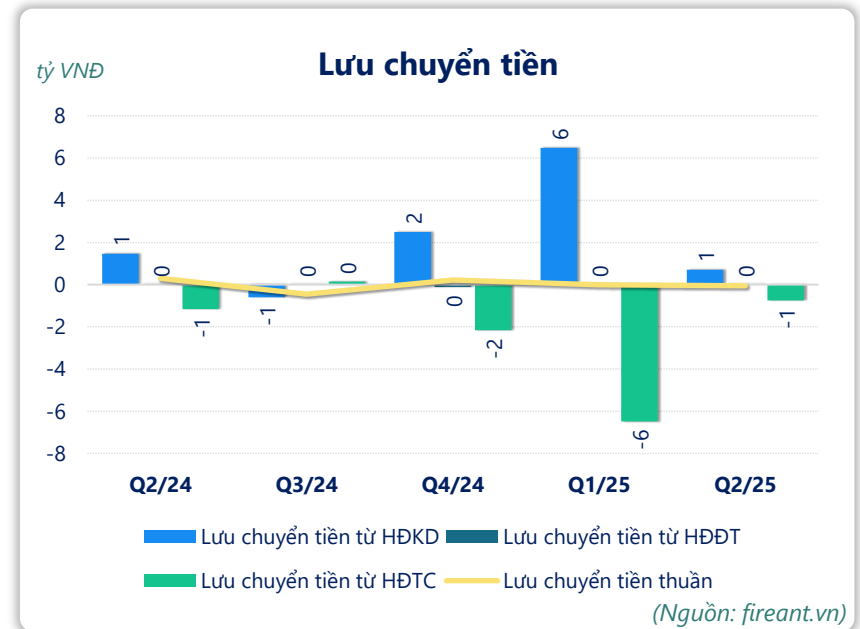
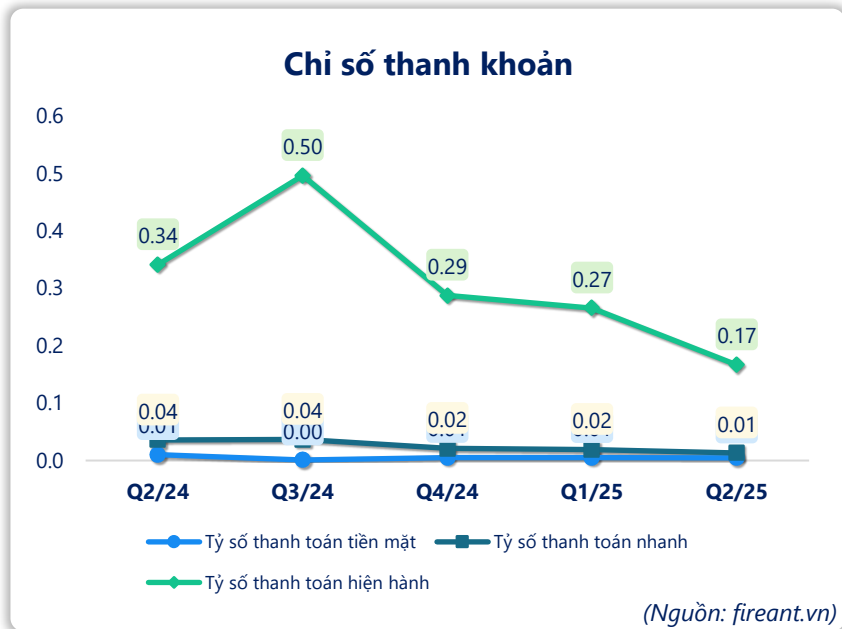
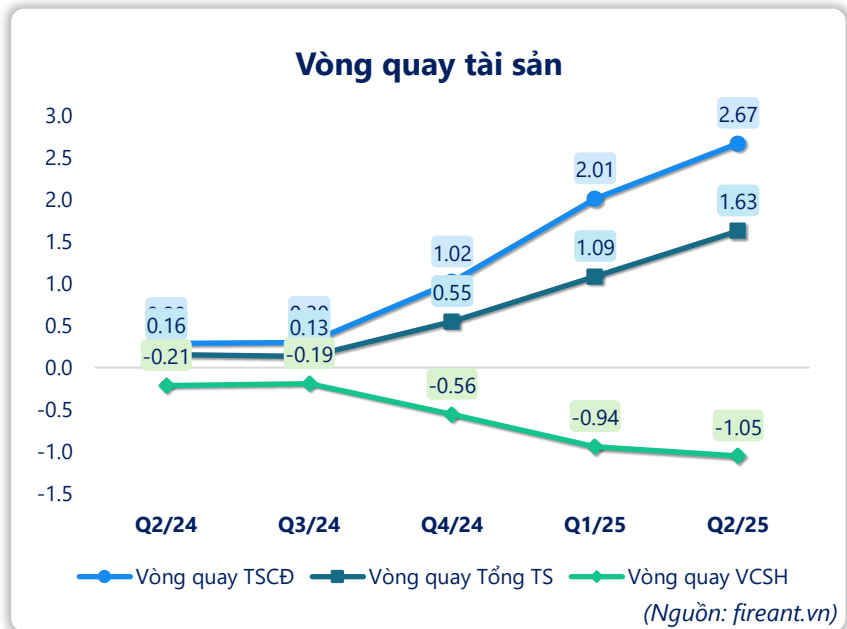
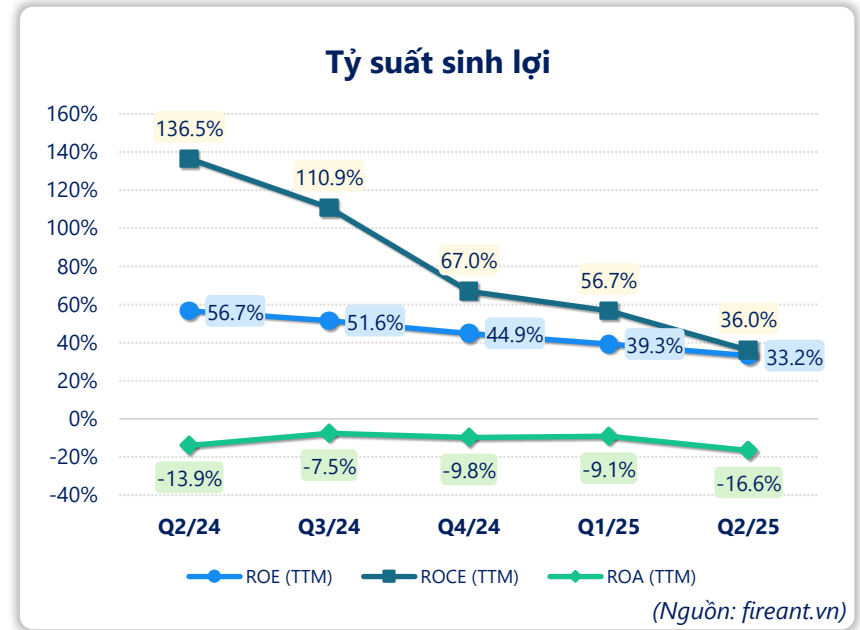
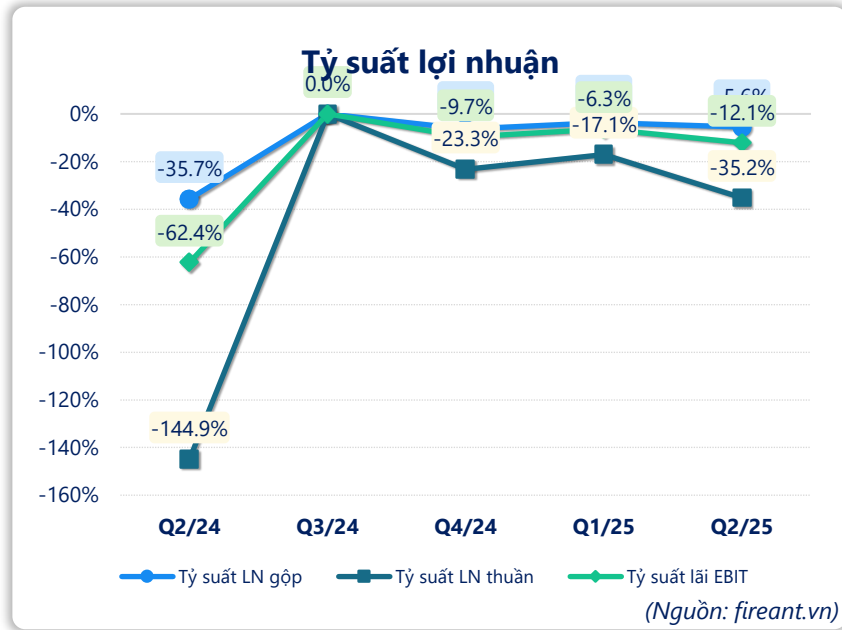
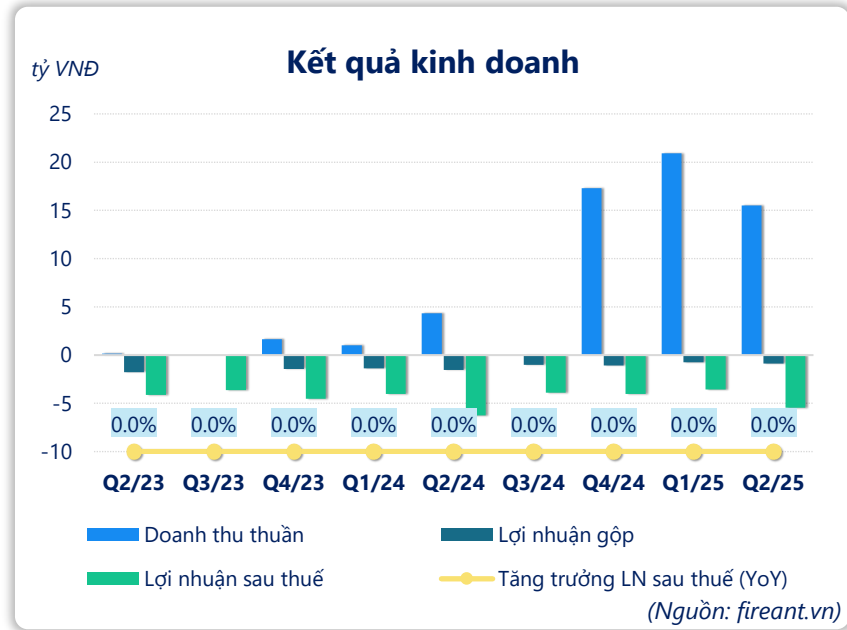
Cơ cấu cổ đông



Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	26.7	33.8	-20.9%
Tài sản ngắn hạn	8.64	13.7	-36.7%
Tiền và tương đương tiền	0.22	0.28	-19.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	0.34	0.38	-8.8%
Hàng tồn kho	7.96	12.6	-36.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.12	0.44	-73.8%
Tài sản dài hạn	18.1	20.2	-10.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	18.1	20.2	-10.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	86.9	85.0	2.3%
Nợ ngắn hạn	51.9	52.1	-0.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.6	23.1	-23.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.83	3.24	79.7%
Nợ dài hạn	35.0	32.9	6.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	35.0	32.9	6.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	-60.2	-51.2	-17.6%
Vốn chủ sở hữu	-60.2	-51.2	-17.6%
Vốn điều lệ	294	294	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	4.32	0	17.3	20.9	15.5
Giá vốn hàng bán	5.86	1.02	18.4	21.7	16.4
Lợi nhuận gộp	-1.54	-1.02	-1.09	-0.76	-0.86
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	3.84	2.32	2.40	2.28	3.73
Chi phí lãi vay	3.56	2.27	2.34	2.25	3.58
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.23	0.05	0.05	0.10	0.17
Chi phí QLDN	0.65	0.52	0.49	0.43	0.70
LN thuần từ HĐKD	-6.26	-3.91	-4.02	-3.57	-5.46
Lợi nhuận khác	0	0	0	0	0
LN trước thuế	-6.26	-3.91	-4.02	-3.57	-5.46
Lợi nhuận sau thuế	-6.26	-3.91	-4.02	-3.57	-5.46
LNST của CĐ cty mẹ	-6.26	-3.91	-4.02	-3.57	-5.46

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.46	-0.60	2.49	6.48	0.70
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	-0.12	0.00	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.16	0.15	-2.16	-6.48	-0.75
Tiền đầu kỳ	0.21	0.51	0.06	0.28	0.27
Lưu chuyển tiền thuần	0.30	-0.45	0.21	0.00	-0.05
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.51	0.06	0.28	0.27	0.22

(Nguồn: fireant.vn)